

# NGHIÊN CỨU – TRAO ĐỔI

## TRIẾT HỌC VỚI KHOA HỌC

Nguyễn Thanh \*

Nguyễn Thị Ngọc Hương \*\*

*Vấn đề về mối quan hệ giữa triết học và khoa học là rất quan trọng đối với nhận thức sâu sắc hơn về ý nghĩa, mục đích của triết học với khoa học. Triết học có phải là khoa học hay không? Nó có đứng cùng một dãy với các khoa học khác không hay là nó giữ một địa vị hoàn toàn đặc biệt, là một hình thức độc lập của văn hóa? Quan niệm về mối liên hệ qua lại giữa triết học và các khoa học riêng biệt phụ thuộc vào câu trả lời cho những vấn đề này.*

### PHILOSOPHY AND SCIENCE

#### SUMMARY

*The matter of the relationship between philosophy and science is very important for deeper awareness of the purpose and significance of philosophy and science. Philosophy is a science or not? Is it on the same location with the other science or does it have a very special position, is a cultural independent form? The opinion of the relationship between philosophy and specific sciences depends on the answers to these problems.*

Theo chúng tôi, các khoa học riêng biệt được hiểu là các khoa học nghiên cứu những lĩnh vực riêng biệt của hiện thực. Đây là các khoa học như vật lý học, hóa học, sinh học, kinh tế học, văn học, luật học, ngôn ngữ học, v.v.. Như vậy, khoa học hiện đại - đó là một gia đình những bộ môn khoa học đa dạng. Đồng thời cũng có căn cứ để nói về "khoa học nói chung", tức những đặc điểm chung, đặc trưng cho bất kỳ nhận thức khoa học nào. Đương nhiên là nhận thức khoa học khác với nhận thức phi khoa học - nhận thức hàng ngày, nhận thức thông thường...

Hiện nay, khoa học thâm nhập tất cả các lĩnh vực hoạt động của con người. Nó trở thành một nhân tố mạnh mẽ cho phép loài người đạt tới

những thành tựu mới mạnh mẽ hơn trong các lĩnh vực tri thức khác nhau. Song, một điều cũng hiển nhiên mà không phải bao giờ cũng là như vậy. Loài người đã cần phải trải qua một con đường dài để chuyển từ các hình thức nhận thức tiền khoa học sang các hình thức nhận thức khoa học.

Có hàng loạt quan điểm về sự xuất hiện của khoa học. Ở đây, chúng tôi sẽ quan tâm tới hai quan điểm phổ biến rộng rãi nhất hiện có.

Theo một quan điểm trong số đó, khoa học đã xuất hiện ở Hy Lạp cổ đại vào cùng một thời đại với triết học - vào khoảng thế kỷ VI - V (tr. Cn). vào giai đoạn này đã diễn ra sự giải phóng ý thức khỏi sự cầm tù của tư duy thần thoại, nhờ đó mà triết học và khoa học đã xuất hiện.

\* PGS.TS. Trường Đại học Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh

\*\* ThS. Giảng viên trường Đại học Kinh tế-Kỹ thuật Bình Dương, NCS. ĐH. Quốc gia TP. Hồ Chí Minh

Căn cứ cho quan điểm như vậy là thực tế phát triển của hàng loạt lĩnh vực nhận thức khoa học sau thời gian nêu trên tại Hy Lạp cổ đại. Đó trước hết là toán học, sinh học, y học, thiên văn học... Nhận thức toán học của người Hy Lạp có một ý nghĩa đặc biệt. Người Hy Lạp cổ đã xây dựng được các khuôn mẫu của tri thức toán học mà các thời đại và các nền văn minh trước đó chưa từng biết đến. Trước hết là các tác phẩm của (Euclid) Oclít (khoảng 330 - 277 tr.cn.) và của Acsimét (287 - 212 tr.cn). Tác phẩm "Những cơ sở" (tức những nguyên tắc, những yếu tố cơ bản) của Oclít đã đặt cơ sở cho hình học. Oclít và Acsimét là những người đầu tiên đã đưa ra các khuôn mẫu của lý thuyết toán học chặt chẽ. Tất cả mọi luận điểm của lý thuyết như vậy đều được luận chứng và liên hệ với nhau một cách có lôgic. Toán học của người Hy Lạp cổ lần đầu tiên đã được xây dựng như một khoa học lý thuyết, chứ không phải chỉ như là phương tiện hữu ích đối với nhu cầu đo lường của thực tiễn. Hai ông đã xây dựng lý thuyết nhằm phát hiện ra các quy luật toán học. Các ông quan tâm đến các quy luật tự thân chúng, chứ không phải đến việc chúng được áp dụng trong thực tiễn như thế nào. Chỉ sau khi các quy luật cần tìm đã được phát hiện và củng cố, người ta mới làm sáng tỏ những khả năng áp dụng chúng trong thực tiễn một cách rộng rãi. Người Hy Lạp cổ đại đã xây dựng được các lý thuyết chặt chẽ chỉ trong lĩnh vực toán học. Trong các lĩnh vực khác, tri thức của họ chỉ thể hiện là kết quả quan sát trực tiếp ít nhiều được hệ thống hóa.

Trong lĩnh vực khoa học tự nhiên, người Hy Lạp đã không xây dựng được một lý thuyết khoa học chặt chẽ nào. Toán học họ phát hiện ra đã không được áp dụng rộng rãi để giải thích các quy luật tự nhiên. Một quan điểm khác về sự xuất hiện của khoa học đã lưu ý tới sự vắng mặt các lý thuyết khoa học tự nhiên chặt chẽ tại Hy Lạp cổ. Đa số các nhà nghiên cứu lịch sử khoa học bảo vệ quan điểm này.

Theo quan điểm này, khoa học theo đúng nghĩa của nó đã xuất hiện ở châu Âu bắt đầu từ thế kỷ XVI - XVII. Đó là thời đại xuất hiện các tác phẩm của I. Kepler (1571 - 1630), của G.

Galilê (1564 - 1642), của H. Hiughenxơ (1629 - 1695), của I. Niuton (1643 - 1727).

Sự ra đời của khoa học gắn liền với khoa học tự nhiên, khoa học tự nhiên này xây dựng mô hình toán học về những hiện tượng đang nghiên cứu, so sánh chúng với những dữ liệu thực nghiệm, tiến hành suy đoán nhờ thực nghiệm tưởng tượng. Các lý thuyết khoa học tự nhiên lúc đầu đã xuất hiện trong cơ học, sau đó là trong các lĩnh vực khác nhau của vật lý học. Các lý thuyết này không những chỉ là sự hệ thống hóa kinh nghiệm và quan sát. Chúng được xây dựng trên cơ sở áp dụng những khái niệm lý luận trừu tượng đặc biệt. Do vậy chúng gắn liền với mô hình hóa toán học.

Sự xuất hiện của khoa học tự nhiên toán học - thực nghiệm dựa trên cơ học và vật lý học đã đánh dấu sự ra đời của một loại tri thức đặc biệt. Người ta bắt đầu gắn liền các đặc điểm của tri thức khoa học nói chung với chúng. Khoa học tự nhiên toán học - thực nghiệm sẽ quy định lâu dài lý tưởng về *tính khoa học*. Lý tưởng về tính khoa học được hiểu là tổng thể các quan niệm về việc tri thức khoa học cần phải trở nên như thế nào trong sự so sánh với tri thức phi khoa học. Lý tưởng về tính khoa học quy định tri thức khoa học cần phải phù hợp với những tiêu chuẩn nào, nó có quan hệ với thí nghiệm như thế nào, những khả năng thực tiễn của nó là gì...

Các cộng đồng khoa học đầu tiên đã xuất hiện ở thế kỷ XVII. Đây là các cộng đồng người ý thức được các nhiệm vụ đặc biệt và vai trò xã hội của mình. Do vậy có thể nói về sự ra đời của khoa học như một thiết chế xã hội đặc biệt ở thế kỷ XVII. Hội khoa học hoàng gia Luân Đôn đã ra đời vào năm 1662, còn Viện hàn lâm khoa học Pari - vào năm 1666.

Các nhà khoa học đầu tiên đã không hướng tới sự đối đầu với tôn giáo đang thống trị, với chính quyền nhà nước, với các quan điểm triết học truyền thống. Họ tìm kiếm cho khoa học một vị trí trong cơ cấu tri thức và các thiết chế xã hội đã hình thành, xác định lãnh địa của khoa học. Điều đó cũng không thể khác được: khi ra đời, khoa học yếu đuối tới mức bất kỳ sự đối đầu nào với hệ thống thiết chế và tri thức đang tồn tại cũng là mang tính hủy diệt đối với

nó. Tất nhiên, không thể hoàn toàn tránh được xung đột: trường hợp của Galilê là một minh chứng. Tuy nhiên, các nhà khoa học đầu tiên cố gắng né tránh sự đối đầu. Ngược lại, họ tìm kiếm sự che chở ở những người đứng đầu trần gian này - vua chúa, bá tước, người giàu, và đã thành lập hội những người tự nguyện nghiên cứu tự nhiên - các nhà khoa học tự nhiên. Một điểm đặc trưng là khoa học đã xuất hiện ở bên ngoài bức tường của các trường đại học tổng hợp mà vốn vẫn phục vụ mục đích đào tạo đội ngũ các nhà thần học cho giáo hội Cơ Đốc giáo. Chỉ một cách dần dần, trong suốt thế kỷ XVIII - đầu thế kỷ XIX, khoa học mới thâm nhập vào giáo dục tại các trường đại học tổng hợp. Từ thời điểm này, khoa học trở thành hoạt động hoàn toàn chuyên nghiệp. Các nhà khoa học nghiệp dư đã được thay thế bằng các nhà khoa học chuyên nghiệp. Thứ nhất, công việc của các nhà khoa học tại trường đại học tổng hợp đã thường xuyên được trả công, chứ không phải được tiến hành nhờ kinh phí ngẫu nhiên như trước kia. Thứ hai, các trường đại học tổng hợp thường xuyên tiến hành đào tạo đội ngũ các nhà khoa học. Thứ ba, các trường đại học tổng hợp đảm bảo tính kế thừa của các tư tưởng khoa học. Sau đó, các trường đại học tổng hợp đã tiến hành hoạt động khoa học và đào tạo cán bộ trong sự tương tác mật thiết với các cộng đồng khoa học khác nhau - các viện hàn lâm, các hội khoa học...

Vào thời điểm xuất hiện, khoa học chưa ý thức được rõ ràng sự khác biệt triết đề của mình với triết học. Các nhà khoa học đầu tiên đã gọi tác phẩm của mình là "triết học thực nghiệm thực chứng". Các con đường và các phương pháp nghiên cứu khoa học về tự nhiên được luận chứng về mặt triết học. Có đóng góp đáng kể cho việc luận chứng khoa học và các phương pháp nhận thức khoa học là các nhà tư tưởng như Ph. Bêcon (1561 - 1626), R. Đêcátơ (1596 - 1650), Gi. Lôccơ (1632 - 1704), G. Lépni (1646 - 1716)...

Trong nhiều trường hợp, cùng một số người kể cả các nhà triết học đã thể hiện tính hợp lý của nhận thức khoa học là của các nhà khoa học tự nhiên. Vốn tin tưởng vào triển vọng của sự nghiên cứu khoa học về tự nhiên, họ

thường phê phán gay gắt triết học kinh viện có liên hệ mật thiết với các quan điểm cổ đại về tự nhiên. Tuy nhiên, các nhà khoa học đầu tiên đã tin tưởng vào khả năng dung hợp được các quan điểm của họ với thế giới quan Thiên Chúa giáo. Họ cho rằng, khi phát hiện ra các bí ẩn của tự nhiên, họ chỉ giải mã "những thông điệp của Chúa". Họ tin tưởng rằng họ đọc cuốn sách Tự nhiên mà trong đó Đấng sáng thế đã in lại các quy luật xác định. Tự nhiên không phải là sự kết hợp một cách hỗn loạn những bộ phận khác nhau. Các quy luật hiện diện trong nó theo chủ ý của Chúa. Vốn có lý tính, con người có năng lực nhận thức được chúng. Giữ quan điểm như vậy về hoạt động khoa học không những là các nhà khoa học đầu tiên mà còn là nhiều nhà nghiên cứu tự nhiên ở các thời đại sau đó, kể cả cho tới tận hiện nay. Tuy nhiên, cần phải nhấn mạnh rằng, các giai đoạn phát triển đầu tiên của khoa học không gắn liền với sự đối đầu của nó đối với tôn giáo, các hình thức văn hóa khác, kể cả triết học.

Cùng với sự phát triển của khoa học và sự gia tăng ảnh hưởng xã hội của nó thì quan hệ giữa khoa học với các hình thức khác của văn hóa cũng trở nên phức tạp hơn. Sức mạnh của khoa học dần dần đã tạo ra điều kiện cho sự bành trướng của khoa học. Sự bành trướng này có nghĩa là sự phổ biến khoa học vào mọi lĩnh vực đời sống của con người.

Sự bành trướng đòi hỏi khoa học phải loại bỏ mọi hình thức khác của văn hóa - tôn giáo, triết học, nghệ thuật. Làn sóng bành trướng đầu tiên của khoa học đã diễn ra ở châu Âu ở giữa thế kỷ XIX. Một cái mốc ở thời kỳ này là việc phủ định vai trò của các lĩnh vực văn hóa không có liên hệ trực tiếp với khoa học, với khoa học tự nhiên. Làn sóng thổi phồng các khả năng của khoa học đã lặp lại theo chu kỳ. Chúng thường trùng hợp với các giai đoạn có những thành tựu đáng kể của một lĩnh vực nhận thức khoa học nào đó.

Hiện nay, những hy vọng đặc biệt của những người bảo vệ sự thống trị tuyệt đối của khoa học đang hướng vào những thành tựu của điều khiển học và sự phổ biến rộng rãi máy vi tính đi liền với nó. Những hy vọng không nhỏ hơn được đặt vào di truyền học - khoa học về

các quy luật di truyền của cơ thể sống. Sự bành trướng của khoa học thể hiện ở khát vọng khoa học hóa hoàn toàn con người và tồn tại người. Sự khoa học hóa như vậy có nghĩa là hoàn toàn loại trừ những thành tố thi ca, nghệ thuật, tôn giáo, thần thoại khỏi cuộc sống. Những hy vọng thái quá đặt vào khoa học thường gắn liền với khát vọng thống trị tuyệt đối đối với tự nhiên. Tự nhiên thể hiện không hơn gì khách thể điều khiển và phương tiện đáp ứng những nhu cầu của con người và của xã hội. Một điểm cũng đặc trưng như vậy cho sự bành trướng của khoa học là sự định hướng vào việc cải biến bản tính của bản thân con người. Người ta đã xây dựng các dự án mô hình hóa nhân tạo con người, tạo ra con người cùng với những đặc tính định trước. Sự định hướng như vậy đe dọa hoàn toàn loại bỏ những thành tố nhân văn, thái độ đồng cảm của con người với nhau ra khỏi quan hệ giữa người với người.

Như vậy, sự phát triển của khoa học đã kéo theo những thách thức từ phía nó, những thách thức hướng vào toàn bộ nền văn hóa, trước hết là văn hóa nhân văn. Triết học cũng phải chịu đựng những thách thức như vậy.

Sự gia tăng ảnh hưởng của khoa học đặt ra cho triết học vô số vấn đề. Trước hết, đã xuất hiện sự cần thiết phải đưa ra câu trả lời rõ ràng cho những vấn đề như: *triết học có phải là khoa học hay không và quan hệ của nó với khoa học là như thế nào?* Chúng tôi sẽ đề cập tới ba phương án trả lời cho vấn đề nêu trên.

*Phương án thứ nhất*, gắn liền với việc khước từ ý nghĩa, vai trò độc lập của triết học. Theo quan điểm này, triết học cần phải hoàn thành vai trò phục tùng - đây tớ đối với khoa học. Lập trường như vậy thể hiện rõ nhất trong chủ nghĩa hậu thực chứng và triết học phân tích gần gũi với nó - các khuynh hướng triết học xuất hiện ở những năm 20 - 30 thế kỷ XX. Những người bảo vệ các khuynh hướng này cho rằng, nhiệm vụ của triết học là trở thành hoạt động phân tích ngôn ngữ của khoa học về mặt lôgic. Nhà triết học cần phải quan tâm tới những vấn đề gắn liền với việc nghiên cứu quá trình nhận thức khoa học, tức phải trở thành nhà phương pháp luận của khoa học. Nhà khoa học nghiên cứu hiện thực, còn nhà triết học - nhà

phương pháp luận khi đó sẽ làm công việc giải thích rõ nghĩa của những hành vi của ông ta - đó là vai trò của triết học theo quan điểm này.

*Phương án thứ hai*, trong sự phản ứng đối với vai trò ngày một tăng thể hiện ở ý định biến triết học thành một khoa học chặt chẽ giống như vật lý học hay toán học. Phương án này bộc lộ rõ nhất trong *hiện tượng học*. Người sáng lập ra hiện tượng học, nhà triết học người Đức, E. Huxéc (1859 - 1938) đã viết: "Lợi ích của văn hóa loài người đòi hỏi phải hình thành triết học khoa học chặt chẽ". E. Huxéc và các môn đệ của ông đã tiến hành xây dựng một phương pháp đặc biệt cho phép biến triết học thành khoa học. Một số khuynh hướng tư tưởng triết học khác cũng có kỳ vọng xây dựng triết học như một khoa học.

*Phương án thứ ba*, thể hiện ở việc thừa nhận rằng, triết học không phải là và không nên trở thành khoa học. Triết học là một cái gì đó khác về nguyên tắc so với khoa học, so với các hình thức khác của văn hóa. Ortegga i Gassét viết: "Đúng, triết học không phải là khoa học. Nó là một cái gì đó quan trọng hơn khoa học". Câu nói "quan trọng hơn khoa học" không có nghĩa là "tốt hơn". Vấn đề là ở chỗ nhà triết học cần phải làm quen với những thành tựu của khoa học nhưng không được dừng lại ở việc bình luận đơn giản về chúng. Khái quát hóa những thành tựu của khoa học, triết học bổ sung cho nó một tri thức mới mà các khoa học riêng biệt không thể đem lại. Ngoài ra, triết học còn giải quyết các nhiệm vụ đặc biệt và hoàn thành các chức năng xã hội đặc biệt, khác với các nhiệm vụ và các chức năng của khoa học.

Các phương án thứ hai và thứ ba là phổ biến hơn cả trong triết học phương Tây hiện đại. Mặc dù vậy, theo chúng tôi, vẫn cần phải đánh giá cao phương án thứ ba, tức phương án công khai thừa nhận địa vị đặc biệt của triết học. Đồng thời cũng cần phải nhận thấy đóng góp của triết học Phân tích và của Hiện tượng học cho sự phát triển tri thức triết học, khoa học và văn hóa nói chung.

Phương án thứ ba không bác bỏ tính gần gũi của triết học và khoa học. Tính gần gũi này thể hiện rõ ràng nhất trong phương pháp: cả

khoa học lẫn triết học đều là *các hình thức nhận thức duy lý*. Chúng hướng tới tính chặt chẽ và tính có luận cứ lôgic. Hình tượng nghệ thuật, ẩn dụ, các thành tố của niềm tin đóng vai trò hỗ trợ trong triết học và khoa học. Nhưng có những sự khác biệt trong khuôn khổ của phương pháp. Chẳng hạn, đặc trưng cho triết học không phải là thực nghiệm mà thiếu đó thì khoa học là không thể trong nhiều trường hợp. Khả năng áp dụng được của toán học đối với việc giải quyết các vấn đề triết học là hoàn toàn không rõ ràng như điều này được người ta thừa nhận đối với đa số các khoa học. Những sự khác nhau còn lớn hơn nữa giữa triết học và khoa học về nội dung, mục đích và các chức năng xã hội...

*Theo chúng tôi*, những sự khác biệt như vậy không phải là cội trở ngại đối với sự hợp tác giữa triết học và khoa học. Sự hợp tác này thể hiện đầy đủ nhất trong khuôn khổ của một lĩnh vực tri thức triết học đặc biệt - *triết học và phương pháp luận của khoa học*. Lĩnh vực này nằm ở nơi giáp ranh giữa triết học và khoa học. Nó sử dụng rộng rãi dữ liệu lấy ra từ lịch sử khoa học. Triết học không có tham vọng là "khoa học của các khoa học" mà nó chỉ là khoa học về thế giới quan và phương pháp luận, nó phân tích những vấn đề gắn liền với các đặc điểm của khoa học như một hiện tượng của văn

hóa tinh thần và của đời sống xã hội. Trong số đó có: khái niệm và hình ảnh về khoa học, vấn đề xuất hiện của khoa học, cấu trúc của tri thức khoa học, chức năng của nghiên cứu khoa học, cách mạng khoa học, lý tưởng về tính khoa học, các chuẩn tắc và các giá trị của cộng đồng khoa học, v.v.. Triết học và phương pháp luận của khoa học đã bổ sung đáng kể cho lĩnh vực tri thức triết học truyền thống hình thành trước nó - *lý luận nhận thức*.

Triết học khái quát những thành tựu của khoa học. Việc bỏ qua những quan niệm như vậy sẽ làm cho triết học trở nên kém phong phú. Triết học đưa những sự kiện phát triển của khoa học vào một bối cảnh rộng hơn của sự phát triển văn hóa và xã hội. Cùng với các hình thức khác của văn hóa nhân văn, triết học có nhiệm vụ góp phần *nhân văn hóa* khoa học, đề cao vai trò của các thành tố đạo đức trong hoạt động khoa học. Do vậy, triết học trong nhiều trường hợp cần phải hạn chế kỳ vọng quá sức của khoa học về việc đóng vai trò phương thức duy nhất và vạn năng trong việc khai thác thế giới. Nó đối chiếu các sự kiện nhận thức khoa học với các lý tưởng và các giá trị của văn hóa nhân văn. Không những triết học cần đến khoa học mà cả khoa học cũng cần đến triết học để giải quyết những vấn đề đứng trước nó.

## **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- [1]. Trích dịch. *Triết học phân tích*. M., 1993.
- [2]. E. Huxéc. *Triết học như một khoa học chặt chẽ*. M., 1995, tr. 25.
- [3]. Ortécga i Gassst. *Phi nhân đạo hóa nghệ thuật*. M., 1991, tr. 22.
- [4]. Nhiều tác giả. *Triết học và phương pháp luận của khoa học*. M., 1996
- [5]. Karl Rahner (người dịch: LM. Nguyễn Luật Khoa). *Thần học*. Nxb. Tụng giáo, 2008.
- [6]. Max Weber (Người dịch: Buri Văn Nam Sơn, Nguyễn Nghị, Nguyễn Tùng, Trần Hữu Quang ). *Nền đạo đức Tin lành và tinh thần của chủ nghĩa tư bản*. Nxb. Tri thức, Hà Nội, 2008.
- [7]. Đỗ Minh Hợp, Nguyễn Anh Tuấn, Nguyễn Thanh. *Triết học phương Tây hiện đại...* Nxb. Tổng hợp thành phố HCM, 2008.